

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – AN GIANG
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2025
Về Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp, bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 460/2025/QĐXXST-HN, ngày 05 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 485/2025/QĐST-HN, ngày 23 tháng 6 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị S, sinh năm 1991; Căn cước công dân số: 089191021408, cấp ngày 09/8/2021; nơi cư trú: Tổ B, ấp B, xã Q, huyện A (nay là ấp B, xã N), tỉnh An Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Từ Duy L, sinh năm 1984; Căn cước công dân số: 089084024932, cấp ngày 28/6/2021; nơi cư trú: Tổ B, ấp B, xã Q, huyện A (nay là ấp B, xã N), tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: Tổ A, ấp P, xã P, huyện A (nay là ấp P, xã A), tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo bà Võ Thị S, hôn nhân giữa bà Võ Thị S và ông Từ Duy L do tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 51/HT ngày 18/7/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp nên thường hay gây cãi, cả

hai đều không quan tâm, chia sẻ lẫn nhau; ông L không lo làm ăn. Bà S và ông L đã ly thân từ cuối tháng 01/2025 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà S và ông L có 01 (một) con chung tên Từ Gia B, sinh ngày 07/10/2012. Hiện cháu B đang sống cùng bà S. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy cháu B sau khi ly hôn, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải nhưng ông L đều vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của ông L. Bà S có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nơi cư trú ông L.

Theo các Biên bản xác minh ngày 02/6/2025 và ngày 04/6/2025, ông Võ Văn N (em bà S) và bà Từ Tuyết L1 (chị ông L1) cho biết: Sau khi kết hôn thì ông L1 chuyển về sinh sống cùng gia đình bà S tại ấp B, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang. Khoảng 02-03 tháng nay thì ông L1 chuyển về sinh sống cùng chị ruột tại ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ông L1 không lo làm ăn.

Theo Biên bản ghi nhận ý kiến con chưa thành niên ngày 02/6/2025, cháu Từ Gia B có nguyện vọng sống cùng bà S sau khi bà S và ông L1 ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của bà S và ông L1 có mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S. Về con chung, đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con, giao cháu Từ Gia B cho bà S trực tiếp nuôi dạy; công nhận sự tự nguyện của bà S về việc không yêu cầu ông L1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị S khởi kiện xin ly hôn với ông Từ Duy L và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau

ly hôn. Xác định quan hệ tranh chấp “*ly hôn, nuôi con chung*”. Bị đơn ông Từ Duy L cư trú ấp B, xã Q, huyện A (nay là ấp B, xã N), tỉnh An Giang, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh An Giang theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2] Về việc đương sự vắng mặt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Bà S có mặt, ông L vắng mặt không có lý do. Như vậy đương sự đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng, nên tiến hành xét xử mà không qua thủ tục hòa giải và xét xử vắng mặt ông L là phù hợp quy định tại các Điều 207, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà S và kết quả xác minh xác định được, nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm giữa bà S và ông L là do bất đồng quan điểm sống, ông L thiếu quan tâm chăm lo cuộc sống gia đình, nên thường xảy ra cự cãi. Theo bà S thì gia đình đã nhiều lần khuyên can, động viên nhưng ông L vẫn không từ bỏ việc tham gia các tệ nạn. Từ đó hai người đã sống ly thân từ cuối tháng 01/2025 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai người không tổ chức hàn gắn, ông L biết việc bà S xin ly hôn nhưng không có ý kiến; tại phiên tòa bà S cương quyết ly hôn. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm giữa bà S và ông L đã đến mức trầm trọng, không thể duy trì quan hệ hôn nhân, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà S là phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà S và ông L có 01 con chung tên Từ Gia B, sinh ngày 07/10/2012. Cháu B đang sống cùng bà S và có nguyện vọng tiếp tục sống cùng bà S; bà S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu B sau ly hôn, ông L không có ý kiến. Nên chấp nhận yêu cầu của bà S, giao cháu B cho bà S trực tiếp nuôi dạy sau ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà S không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung, nên công nhận sự tự nguyện của bà S.

[2.4] Về tài sản chung: Bà S xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, nếu ông L có căn cứ xác định có tài sản chung thì có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà S là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định, ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị S.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị S được ly hôn với ông Từ Duy L.

Về con chung: Bà Võ Thị S được trực tiếp nuôi dạy con chung tên Từ Gia B, sinh ngày 07/10/2012. Ông Từ Duy L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Từ Duy L và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con của bà Võ Thị S. Ngược lại, bà S và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của ông L.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Võ Thị S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo Biên lai thu số 0010549 ngày 14/5/2025. (Bà S đã nộp đủ).

Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt ông L. Thời hạn kháng cáo của bà Võ Thị S là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; thời hạn kháng cáo của ông Từ Duy L là 15 ngày kể từ ngày Bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND khu vực 15 (1);
- Phòng THADS khu vực 15 (1);
- UBND xã An Phú, xã Nhơn Hội (2);
- Văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu